



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 10 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Khoa Hoá sinh**

Medical Laboratory: **Department of Biochemistry**

Cơ quan chủ quản: **Viện Huyết học – Truyền máu Trung Ương**

Organization: **National Institute of Hematology and Blood Transfusion**

Lĩnh vực xét nghiệm: **Hoá sinh**

Field of medical testing: **Biochemistry**

Người phụ trách/
Representative: **Nguyễn Quang Tùng**

Số hiệu/ *Code:* **VILAS Med 130**

Hiệu lực/ *Validation:* Từ ngày /10/2025 đến ngày 15/03/2027

Địa chỉ/ *Address:* **số 5 Phạm Văn Bạch, P. Cầu Giấy, Hà Nội**
No. 05 Pham Van Bach Street, Cau Giay Ward, Ha Noi

Địa điểm/ *Location:* **tầng 02, nhà H, số 05, Phạm Văn Bạch, P. Cầu Giấy, Hà Nội**
02nd Floors, H tower, no. 05 Pham Van Bach Street, Cau Giay Ward, Ha Noi

Điện thoại/ *Tel:* **(024)378241894**

Email: **sinhhoa.nihbt@gmail.com**

Website: **www.nihbt.org.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS***VILAS Med 130**Lĩnh vực xét nghiệm: **Hoá sinh***Discipline of medical testing: **Biochemistry***

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông) <i>Type of sample anticoagulant (if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
1.	Huyết thanh, Huyết tương (Heparin) Serum, Plasma (Heparin)	Xác định lượng Creatinin <i>Determination of Creatinine</i>	So màu <i>Colorimetric</i>	QT.HS.14 (2025) (AU 5800)
2.		Xác định lượng AST <i>Determination of AST</i>	Động học enzym <i>Enzym Kinetics</i>	QT.HS.15 (2025) (AU 5800)
3.		Xác định lượng Bilirubin toàn phần (Bil.T) <i>Determination of Bilirubin total (Bil.T)</i>	So màu <i>Colorimetric</i>	QT.HS.18 (2025) (AU 5800)
4.		Xác định lượng Protein toàn phần <i>Determination of total Protein</i>	So màu <i>Colorimetric</i>	QT.HS.16 (2025) (AU 5800)
5.		Xác định lượng Cholesterol <i>Determination of Cholesterol</i>	Enzym so màu <i>Enzymatic Colorimetric</i>	QT.HS.17 (2025) (AU 5800)

Ghi chú/ Note:

- QT.SH: Phương pháp nội bộ của PXN/ *Laboratory Developed Method*
- Trường hợp Khoa hoá sinh cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Department of Biochemistry that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*